

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**




VINAINCON
VÌ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. THÔNG TIN CHUNG | 3 |
| 1. Thông tin tổng quan | 3 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển..... | 3 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 4 |
| 4. Mô hình quản trị..... | 4 |
| 4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý | 4 |
| 4.2. Chức năng nhiệm vụ | 6 |
| 4.3. Công ty con, công ty liên kết | 6 |
| 5. Định hướng phát triển..... | 8 |
| 6. Rủi ro..... | 9 |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020 | 9 |
| 1. Tình hình sản xuất kinh doanh | 9 |
| 2. Tổ chức và nhân sự..... | 10 |
| 2.1. Giới thiệu Ban lãnh đạo | 10 |
| 2.2. Chính sách đối với người lao động | 11 |
| 3. Tình hình đầu tư tài chính | 11 |
| 4. Tình hình tài chính | 11 |
| 4.1. Tình hình tài chính (Số liệu tài chính hợp nhất năm 2020)..... | 11 |
| 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... | 12 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu | 12 |
| 5.1. Cổ phần:..... | 12 |
| 5.2. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 10/6/2020 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp | 12 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội. | 13 |
| III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 13 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh: | 13 |
| 2. Tình hình tài chính năm 2020 (Số liệu hợp nhất toàn Tổng công ty)..... | 14 |
| 2.1. Tình hình tài sản..... | 14 |
| 2.2. Tình hình Nợ phải trả..... | 15 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý..... | 15 |
| 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 | 15 |
| 4.1. Kế hoạch năm 2021 toàn Tổng công ty | 15 |
| 4.2. Kế hoạch năm 2021 tại Công ty mẹ..... | 16 |
| IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY ...16 | |
| 1. Hội đồng quản trị..... | 16 |
| 1.1. Thành viên Hội đồng quản trị | 16 |
| 1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:..... | 17 |
| 1.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty:..... | 22 |
| 2. Ban Kiểm soát | 23 |
| 3. Các giao dịch, tiền lương cán bộ quản lý, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. | 24 |
| V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 24 |
| 1. Ý kiến kiểm toán:..... | 24 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: | 24 |

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổng quan

| | |
|------------------------------------|---|
| Tên công ty | Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam |
| Tên tiếng Anh | Viet Nam Industrial Construction Corporation |
| Tên viết tắt | VINAINCON |
| Trụ sở | Tòa nhà Vinaincon, số 5 đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại | 024.35142145 |
| Fax | 024.38560629 |
| Website | http://www.vinaincon.com.vn |
| Vốn điều lệ đăng ký | 550.000.000.000 đồng |
| Vốn điều lệ thực góp | 550.000.000.000 đồng |
| Logo |  VINAINCON <i>VÌ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH</i> |
| Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | Số 0100779365 do: Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/1998, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 19/8/2020 |

2. Quá trình hình thành và phát triển

| Thời gian | Sự kiện |
|---------------------------------|--|
| Ngày 22 tháng 9 năm 1998 | Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam được thành lập theo theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) trên cơ sở hợp nhất các đơn vị xây lắp thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Hóa chất Việt Nam, Tổng công ty Thép Việt Nam và các Công ty xây dựng chuyên ngành thuộc ngành Công nghiệp Việt Nam. |
| Giai đoạn 1998 – 2003 | Đây là thời kỳ Tổng công ty mới được thành lập, tập trung hoàn thiện bộ máy, tập hợp lực lượng để ổn định tổ chức và tạo dựng thương hiệu trên thị trường. Trong giai đoạn này, giá trị sản lượng toàn Tổng công ty tăng từ 1.860 tỷ đồng năm 1998 đến 4.686 tỷ đồng năm 2003, doanh thu tăng từ 1.485 tỷ đồng năm 1998 lên 4.063 tỷ đồng năm 2003 |
| Giai đoạn 2003 – 2008 | Đây là thời kỳ có nhiều dấu ấn quan trọng của Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam. Trong giai đoạn này, Tổng công ty và các đơn vị tham gia thi công |

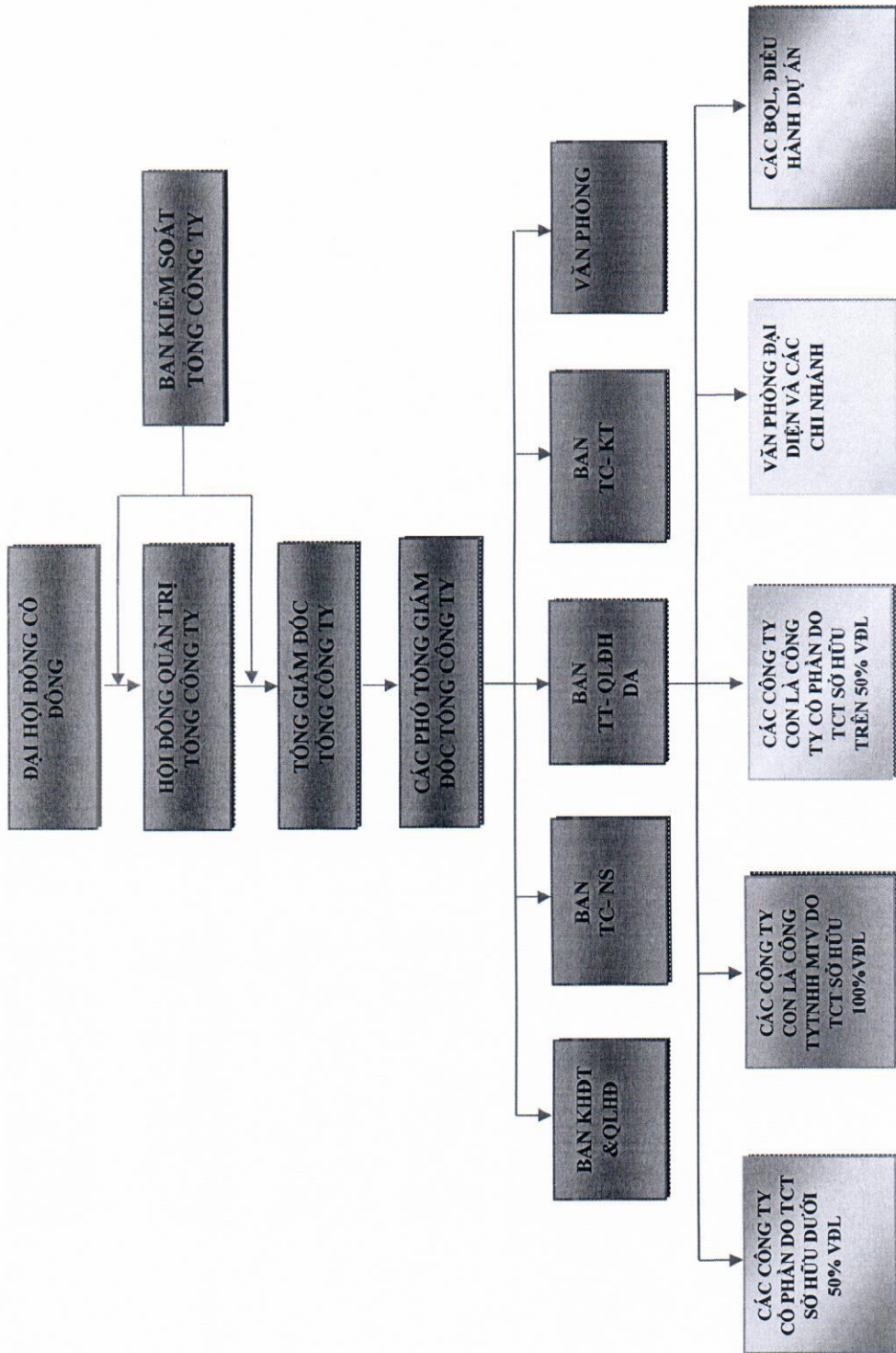
| | |
|------------------------------------|---|
| | <p>nhiều công trình lớn, trọng điểm quốc gia của ngành, đáng kể như: Hoàn thành hệ thống đường dây và trạm 500kV Nam - Bắc mạch 2 cùng hàng trăm công trình đường dây và trạm 110kV, 220kV trải khắp chiều dài đất nước; Triển khai xây dựng Nhà máy Xi măng Thái Nguyên – công trình trọng điểm nhóm A đầu tiên do Tổng công ty làm chủ đầu tư. Tổng công ty đã tách một số đơn vị để cổ phần hóa không chi phối.</p> |
| <p>Giai đoạn 2008 - nay</p> | <p>Đây là giai đoạn Tổng công ty hoạt động trong môi trường kinh tế trong nước có nhiều biến động, khó khăn về thị trường, việc làm, nguồn tín dụng thắt chặt... Tổng công ty vừa phải tiếp tục tổ chức sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, đời sống người lao động, vừa phải hoàn thành công tác cổ phần hóa toàn Tổng công ty, đồng thời tiếp tục phát triển thị trường, cơ cấu lại hoạt động của các đơn vị theo hướng nâng cao hiệu quả.</p> <p>Một số sự kiện tiêu biểu trong giai đoạn này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 29/12/2009: Chính thức khánh thành Nhà máy xi măng Thái Nguyên với dòng sản phẩm Xi măng Quang Sơn đã được thị trường đón nhận. - Ngày 01/06/2011: Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần, đây là một quyết tâm, nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Tổng công ty. - Ngày 04/10/2017, Tổng công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường UpCoM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là: VVN. Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 55.000.000 cổ phiếu, tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 550.000.000.000 đồng. |

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành điện, xây dựng hệ thống lưới điện cao áp đến 500kV, thi công silo, ống khói, nhà cao tầng bằng phương pháp cấp pha trượt;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị, hệ thống ống, hệ thống điện của các nhà máy công nghiệp nặng như các dự án nguồn điện, hóa chất, cơ khí luyện kim, khai thác dầu mỏ...
- Gia công chế tạo thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị cơ khí phi tiêu chuẩn cho nhiều ngành công nghiệp, kết cấu thép; thi công bê tông ứng lực căng sau, sản xuất cấu kiện bê tông ứng lực trước.
- Xây dựng chuyên dụng khác.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.

4. Mô hình quản trị

4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý



4.2. Chức năng nhiệm vụ

- **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, trực tiếp bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty.

- **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

- Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định;

- Các phạm vi khác quy định tại Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty.

- **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại Hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- **Ban Điều hành Công ty.**

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá 5 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

- **Các phòng – ban chức năng:** thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn.

4.3. Công ty con, công ty liên kết

Danh sách các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty |
|---|--|-------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 | Số 81 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh | 100% |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4 | Tổ 5, thị trấn Đông Anh, Hà Nội | 100% |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất | Lầu 5, Số 5 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội | 100% |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc | Đường Phạm Liêu, Phường Thọ Xương, Bắc Giang | 100% |

| | | |
|---|--|--------|
| Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, Đồng Hỷ, Thái Nguyên | 100% |
| Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp | Tầng 4, Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội | 52,15% |
| Công ty CP Cơ khí xây lắp hóa chất | Thôn Ngô Yên, xã An Hồng, Huyện An Dương, Hải Phòng | 71,42% |
| Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức | 356A Xa lộ Hà Nội, Phước Long A, quận 9, TP. Hồ Chí Minh | 51% |
| Công ty CP XNK Thương mại hợp tác nhân lực quốc tế VN | 156 Xã Đàn 2, Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội | 51% |
| Công ty CP Đầu tư xây dựng số 5 | Lầu 6, số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 51% |
| Công ty CP Đầu tư và khoáng sản Vinaincon | Lầu 7, Số 5 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội | 51% |
| Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang | Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang | 50,69% |
| Công ty CP Đầu tư và xây dựng Vinaincon 6 | Lầu 2, 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP Hồ Chí Minh | 51% |

Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu |
|--|--|--------------|
| Công ty CP Kết cấu thép xây dựng | Tầng 15 tòa nhà TTC phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội | 23,11% |
| Công ty CP Tư vấn thiết kế và xây dựng VINAINCON | Lầu 3, Số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội | 20,70% |
| Công ty CP Cơ khí Hồng Nam | Phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội | 27,37% |
| Công ty CP Đầu tư và xây dựng công nghiệp | 158 Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Hà Nội | 36% |
| Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn | Quang Sơn, Đồng Hỷ, Thái Nguyên | 25% |
| Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon | 30B/25A Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, Hà Nội | 41,18% |
| Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon | Thôn Tháp Phan, Đồng Lạc, Nam Sách, Hải Dương | 20% |
| Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon | Lầu 4, Số 5 Phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | 27,99% |

| | | |
|--|---|--------|
| Công ty CP Xây lắp thương mại công nghiệp Thăng Long | Tầng KTM nhà CT1 khu Nàng Hương, Phường Văn Quán, Hà Đông | 18% |
| Công ty CP Đầu tư và sản xuất công nghiệp | Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên | 8,45% |
| Công ty CP Lắp máy và xây dựng Miền Nam | 22 Lý Tự Trọng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh | 8,57% |
| Công ty CP Tư vấn thiết kế công nghiệp và dân dụng | 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh | 7,48% |
| Công ty CP Xây dựng công nghiệp | 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh | 1,60% |
| Công ty CP Bao bì Sông Công | Tổ 4, Phường Phố Cò, Thị xã Sông Công, Thái Nguyên | 18,99% |
| Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả | Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh | 0,46% |

5. Định hướng phát triển

- Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu của VINAINCON, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất, về quy mô trong toàn VINAINCON, nâng cao năng lực chế tạo cơ khí, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong nước và nước ngoài, khẳng định thương hiệu VINAINCON với vai trò xây dựng cơ sở hạ tầng ngành điện và các công trình công nghiệp của Việt Nam và vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.

- Xây dựng VINAINCON trở thành một Tổng công ty mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh và khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phát triển tập trung vào các ngành nghề chính đã chọn, VINAINCON sẽ sắp xếp các đơn vị thành viên và phân công chuyên môn hóa, tập trung vào chuyên ngành phù hợp với năng lực, sở trường, kinh nghiệm và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra thế cạnh tranh.

Một số định hướng phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn 2016 – 2020 như sau:

- Mua sắm máy móc thiết bị: Đầu tư, mua sắm trang thiết bị cho xây dựng, sản xuất.
 - Tập trung nâng cao năng lực thi công các dự án xây dựng của các nhóm dự án và của các nhân viên trong công ty, tạo thành một tập thể với nhân sự giàu khả năng, kinh nghiệm và có sức cạnh tranh cao.

- Mở rộng thêm đối tượng xây dựng: Bên cạnh xây dựng các dự án trọng điểm của nhà nước, VINAINCON mở rộng ra các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng các công trình có vốn vay ODA, xây dựng các nhà máy công nghệ cao cho các doanh nghiệp FDI.

- Tham gia chương trình nội địa hóa chế tạo cơ khí của Chính phủ tại các Dự án lớn trong ngành công nghiệp.

6. Rủi ro

- Rủi ro về kinh tế:

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây lắp, xây dựng cơ bản có sự gắn liền với việc phát triển cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, sẽ phụ thuộc tương đối chặt chẽ vào tốc độ tăng trưởng, mức độ đầu tư cho cơ sở hạ tầng của các khu vực kinh tế. Do đó, triển vọng tăng trưởng lạc quan của nền kinh tế sẽ hứa hẹn mang lại nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của VINAINCON. Và ngược lại, khi có sự thay đổi theo chiều hướng xấu đi, nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ, giảm phát sẽ có tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VINAINCON.

- Rủi ro về luật pháp:

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp (trong đó có các quy định liên quan đến lĩnh vực đầu tư, xây dựng, hoạt động sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng,...) sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Với VINAINCON, là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang loại hình công ty cổ phần, nên cũng gặp trở ngại nhất định, tuy nhiên với năng lực của bộ máy lãnh đạo, Tổng công ty đã thích ứng nhanh chóng với sự chuyển đổi này.

- Rủi ro hoạt động kinh doanh:

Rủi ro đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán. Rủi ro phát sinh sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Rủi ro của VINAINCON có thể phát sinh nợ đọng từ các chủ đầu tư, do các công trình phải thanh toán với các chủ đầu tư thường mất thời gian do thủ tục thanh toán phải được duyệt qua nhiều khâu. Nếu có phát sinh trở ngại, vướng mắc, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán sẽ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty.

VINAINCON đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty

DVT: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2019 | % tăng/giảm |
|----|--|------------------|------------------|----------------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 4.617.223 | 4.457.679 | 3,6% |
| | <i>Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> | <i>4.570.144</i> | <i>4.348.100</i> | <i>5,1%</i> |
| 2 | Tổng chi phí | 4.791.407 | 4.575.860 | 4,7% |
| | <i>Trong đó: Giá vốn hàng bán</i> | <i>4.222.309</i> | <i>4.080.779</i> | <i>3,4%</i> |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | -174.184 | -118.181 | |
| | <i>Trong đó: - Lợi nhuận từ SXKD</i> | <i>47.234</i> | <i>8.453</i> | |

| | | | | |
|---|---|----------|----------|------|
| | - Lũ của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | -221.418 | -126.634 | |
| 4 | Chia cổ tức | 0 | 0 | |
| 5 | Nộp NSNN | 241.483 | 275.004 | -12% |

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Giới thiệu Ban lãnh đạo

Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------------|---|
| 1 | Ông Hoàng Thế Hiện | Chủ tịch HĐQT | |
| 2 | Ông Nguyễn Thế Thành | Phó Chủ tịch HĐQT | |
| 3 | Ông Hoàng Chí Cường | Ủy viên HĐQT | Tổng giám đốc miễn nhiệm tháng 8 năm 2020 |
| 4 | Ông Đỗ Chí Nguyễn | Ủy viên HĐQT | Tổng giám đốc bầu tháng 8 năm 2020. |
| 5 | Bà Trần Thị Minh | Ủy viên HĐQT | |

Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------|-----------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Thu Nga | Trưởng Ban Kiểm soát | |
| 2 | Ông Nguyễn Ngọc Cường | Thành viên Ban Kiểm soát | |
| 3 | Ông Hoàng Tuấn Anh | Thành viên Ban Kiểm soát | Miễn nhiệm tháng 6 năm 2020 |

Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------|----------------------|
| 1 | Ông Đỗ Chí Nguyễn | Tổng giám đốc | |
| 2 | Ông Chu Tuấn Ngọc | Phó Tổng giám đốc | Mất tháng 3 năm 2020 |
| 3 | Ông Tạ Đăng Tính | Phó Tổng giám đốc | |

| | | | |
|---|----------------------|-------------------|---------------------------|
| 4 | Bà Trần Thị Minh | Phó Tổng giám đốc | Bổ nhiệm tháng 8 năm 2020 |
| 5 | Ông Đặng Quang Cường | Trưởng ban TCKT | |

2.2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc:

Tổng công ty luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như cam kết với người lao động đã được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động. Người lao động trong Tổng công ty đều có hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn và hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, Tổng công ty luôn chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực, có chính sách khuyến khích người lao động thường xuyên học tập, nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Chính sách lương, thưởng:

Tiền lương và tiền thưởng được trả cho người lao động theo quy chế lương, thưởng của Tổng công ty, dựa trên cơ sở đánh giá công việc đảm nhận và hiệu quả đạt được của từng chức danh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương được xây dựng đúng luật nhưng vẫn đảm bảo tính công bằng và khả năng khuyến khích đóng góp của các cá nhân và tập thể có trình độ chuyên môn, tay nghề cao.

Chính sách trợ cấp:

Bên cạnh chính sách tiền lương, tiền thưởng, người lao động làm việc trong Tổng công ty còn được hưởng các chế độ phúc lợi khác nhau như: trợ cấp trong những dịp lễ Tết, hiếu hi, ốm đau, hoàn cảnh khó khăn,... Chính sách trợ cấp đã phần nào tạo được sự phấn khởi, thái độ tích cực và sự gắn bó với Tổng công ty nơi người lao động.

- Số lượng lao động bình quân năm 2020 là: 2.194 người.

3. Tình hình đầu tư tài chính

Đến 31/12/2020, giá trị phần vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 556.452 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Giá trị phần vốn tại công ty con: 473.306 triệu đồng.
- Giá trị phần vốn tại công ty liên doanh, liên kết: 54.263 triệu đồng.
- Đầu tư tài chính dài hạn: 28.883 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính (Số liệu tài chính hợp nhất năm 2020)

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2019 | % tăng giảm |
|-------------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 5.578.039 | 5.655.675 | -1,4% |
| Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV | 4.570.144 | 4.348.101 | 5,1% |

| | | | |
|---|----------|----------|--|
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -150.472 | -113.194 | |
| Lợi nhuận khác | -3.219 | 11.826 | |
| Lợi nhuận trước thuế | -153.690 | -101.367 | |
| Lợi nhuận sau thuế | -174.184 | -118.181 | |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| - Lợi nhuận từ SXKD | 47.234 | 8.453 | |
| - Lỗ Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | -221.418 | -126.634 | |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-----|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSNH/Nợ NH) | Lần | 0,99 | 0,95 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (=TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH) | Lần | 0,64 | 0,62 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 1,13 | 1,08 |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (=GVHB/HTK BQ) | Lần | 4,62 | 4,47 |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 0,82 | 0,77 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH | % | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS | % | | |
| - Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần | % | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 55.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 55.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2 Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 10/6/2020 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp)

| STT | Họ và tên | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị (VND) | Tỷ lệ % trên VDL thực góp |
|------------------|---------------------------|------------------|-------------------|------------------------|---------------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 1.970 | 55.000.000 | 550.000.000.000 | 100 |
| 1 | Tổ chức | 18 | 47.468.500 | 474.685.000.000 | 86,31 |
| 2 | Cá nhân | 1.952 | 7.531.500 | 75.315.000.000 | 13,69 |
| II | Cổ đông nước ngoài | - | - | - | - |
| 1 | Tổ chức | - | - | - | - |
| 2 | Cá nhân | - | - | - | - |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | - | - |
| Tổng Cộng | | 1.970 | 55.000.000 | 550.000.000.000 | 100 |

Danh sách cổ đông lớn, cổ đông nhà nước

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số lượng CP | Giá trị (VND) | Tỷ lệ % |
|-----|--------------------------------------|-----------------------------|-------------|-----------------|---------|
| 1 | Bộ Công Thương (cổ đông nhà nước) | 54 Hai Bà Trung - Hà Nội | 45.512.500 | 455.125.000.000 | 82,75 |

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.

- Nguồn nguyên vật liệu như sắt thép, xi măng, cát đá... mua đáp ứng được chủng loại, chất lượng sản phẩm, rõ nguồn gốc xuất xứ, nguyên liệu vật liệu mua về được nhập kho, xuất kho, cuối kỳ được kiểm kê theo quy định, vật tư thừa được nhập lại kho và tái sử dụng một phần.

- Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ chủ yếu là xăng dầu, điện nước, than (đối với sản xuất xi măng), các nguồn năng lượng trên được sử dụng tiết kiệm để giảm chi phí.

- Tiêu thụ nước: Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sản xuất sản phẩm được lấy từ hệ thống sông ngòi và được qua xử lý (nếu có). Riêng nguồn nước cho sinh hoạt của người lao động được mua từ các Công ty cung cấp nước sạch.

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Tổng công ty tuân thủ đúng pháp luật về bảo vệ môi trường, không bị xử phạt do vi phạm về bảo vệ môi trường.

- Chính sách liên quan đến người lao động: Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật và Tổng công ty, người lao động tại các công trình vùng khó khăn được đảm bảo điều kiện sinh hoạt, chế độ ưu đãi.

- Thu nhập bình quân của người lao động năm 2020 là: 10,6 triệu đồng/ tháng

- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương: Sử dụng nguồn lực lao động là người địa phương, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách với địa phương, hưởng ứng tham gia và ủng hộ các chương trình phúc lợi, an sinh xã hội của địa phương.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

- Số liệu toàn Tổng công ty:

DVT: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | NQ2020 | TH2020 | %TH/NQ Q |
|----|---|-----------|------------|-------------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 4.115.000 | 4.617.223 | 112% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất | (14.016) | (174.184) | |
| | Trong đó: | | | |
| | - LNST từ hoạt động SXKD | 75.687 | 47.234 | 62,4% |
| | - Lỗ Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | (89.703) | (221.418) | |
| 3 | Lao động huy động bình quân (người) (lao động trong danh sách) | 2.575 | 2.194 | 85,2% |
| 4 | Tổng quỹ lương thực hiện | 289.000 | 279.449 | 86,7% |
| 5 | Thu nhập bình quân (đ/người/tháng) | 9.353.000 | 10.614.000 | 113% |

- Số liệu Công ty mẹ - Tổng công ty:

DVT: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | NQ2020 | TH2020 | %TH/NQ |
|----|---------------------------------|---------|---------|--------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 435.000 | 366.304 | 84,2% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 17.000 | 13.240 | 77,6% |

Đánh giá về kết quả kinh doanh 2020:

+ Tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện năm 2020 toàn Tổng công ty là 4.617 tỷ đồng, đạt 112% so với kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2020 đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế toàn Tổng công ty là -174 tỷ đồng (Trong đó: lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 47 tỷ đồng, lỗ của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn là -221 tỷ đồng).

+ Đối với Công ty mẹ, lợi nhuận sau thuế TNDN từ hoạt động SXKD năm 2020 là 13,2 tỷ đồng/kế hoạch là 17.000 triệu đồng, đạt 77,6% so với kế hoạch. Lợi nhuận trên đã bao gồm khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, dự phòng phải thu khó đòi.

2. Tình hình tài chính năm 2020 (Số liệu hợp nhất toàn Tổng công ty)

2.1. Tình hình tài sản

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Số cuối năm 2020 | Số đầu năm 2020 | Chênh lệch | |
|---|---------------------|--------------------|----------------|-------------|
| | | | Số tiền | % |
| A. Tài sản ngắn hạn | 2.681.797 | 2.515.866 | 165.931 | 107% |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 259.386 | 273.293 | -13.907 | 95% |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 44.508 | 2.841 | 41.667 | 1.567% |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 1.394.244 | 1.327.548 | 66.696 | 105% |
| IV. Hàng tồn kho | 949.210 | 879.627 | 69.538 | 108% |

| | | | | |
|---------------------------------------|------------------|------------------|-----------------|------------|
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 34.447 | 32.556 | 1.891 | 106% |
| B. Tài sản dài hạn | 2.896.243 | 3.139.809 | -243.566 | 92% |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 4.854 | 5.177 | -323 | 94% |
| II. Tài sản cố định | 2.547.416 | 2.742.110 | -194.694 | 93% |
| III. Bất động sản đầu tư | 1.000 | 1.000 | 0 | 100% |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 30.158 | 39.918 | -9.760 | 76% |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 198.613 | 232.868 | -34.255 | 85% |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 114.199 | 118.735 | -4.536 | 96% |
| Tổng cộng tài sản | 5.578.340 | 5.655.675 | -77.335 | 99% |

2.2. Tình hình Nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Số cuối năm 2020 | Số đầu năm 2020 | Chênh lệch | |
|--------------------------------------|------------------|------------------|---------------|-------------|
| | | | Số tiền | % |
| I. Nợ ngắn hạn | 2.708.892 | 2.637.432 | 71.460 | 103% |
| 1. Phải trả cho người bán | 1.177.282 | 1.157.508 | 19.774 | 102% |
| 2. Người mua trả tiền trước | 286.688 | 223.813 | 62.875 | 128% |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp NN | 166.198 | 160.532 | 5.666 | 104% |
| 4. Phải trả người lao động | 95.348 | 81.403 | 13.945 | 117% |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 124.403 | 141.580 | -17.177 | 88% |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 4.242 | 1.578 | 2.664 | 269% |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 162.556 | 162.383 | 173 | 100% |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 635.622 | 657.678 | -22.056 | 97% |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 31.155 | 24.193 | 6.962 | 129% |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 25.395 | 26.762 | -1.367 | 95% |
| II. Nợ dài hạn | 3.589.539 | 3.523.193 | 66.346 | 102% |

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong thời gian vừa qua, Tổng công ty đã đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục và hoàn thiện lại cơ cấu tổ chức quản lý và năng lực sản xuất, thi công của một số đơn vị làm ăn thua lỗ, kém hiệu quả. Tuy nhiên, trên thực tế việc khắc phục hiệu quả kinh doanh yếu kém của một số đơn vị vẫn chưa đạt được như mong muốn. Đây cũng là một trong những vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong những năm tiếp theo.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

4.1. Kế hoạch năm 2021 toàn Tổng công ty

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | KH 2021 |
|----|---|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 3.926.500 |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| | - Từ hoạt động SXKD | 2.755.500 |
| | - Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | 1.171.000 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | (22.054) |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| | - LNST từ hoạt động SXKD | 57.946 |
| | - Lỗ Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | (80.000) |
| 3 | Lao động huy động bình quân (người) | 2.223 |
| 4 | Tổng quỹ lương thực hiện | 289.410 |
| | Trong đó, Quỹ lương quản lý tại Cơ quan Công ty mẹ (không bao gồm quỹ lương các đơn vị hạch toán phụ thuộc và quỹ lương của cán bộ Ban QLĐH dự án Tổng công ty), bao gồm cả Quỹ lương của Cán bộ quản lý chuyên trách | 17.000 |
| 5 | Thu nhập bình quân (đ/người/tháng) | 10.849.000 |

4.2. Kế hoạch năm 2021 tại Công ty mẹ

DVT: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | KH 2021 |
|----|---------------------------------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 450.000 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 17.000 |

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên Hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----|-------------------------------------|-------------------|----------------|------------------|
| 1 | Hoàng Thế Hiến | Chủ tịch HĐQT | 52.100 | 0,09 |
| | - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN | | 11.962.500 | 21,75 |
| 2 | Nguyễn Thế Thành | Phó Chủ tịch HĐQT | 62.800 | 0,11 |
| | - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN | | 11.000.000 | 20 |
| 3 | Hoàng Chí Cường | Ủy viên HĐQT | 102.400 | 0,19 |
| | - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN | | 11.550.000 | 21 |

| | | | | |
|---|--|-------------------|----------------------|------------|
| 4 | Đỗ Chí Nguyễn - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN | Ủy viên HĐQT, TGD | 20.000 11.000.000 | 0,04 20 |
| 5 | Trần Thị Minh - Cá nhân | Ủy viên HĐQT | 123.700 | 0,22 |

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2020, hoạt động của Hội đồng quản trị đã bám sát nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tổng công ty để đề ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp và kịp thời. HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Tổng công ty đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Trong năm HĐQT đã phối hợp tốt với Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát trên tinh thần tôn trọng nguyên tắc làm việc, chủ động trao đổi, phối hợp và lắng nghe ý kiến và giải quyết công việc thuộc chức trách của HĐQT trong thời gian nhanh nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành sản xuất kinh doanh và quản lý các đơn vị có vốn góp.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, áp dụng các quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và chỉ đạo xây dựng, cập nhật và sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 17/01/2020 | Thông qua việc đề nghị khen thưởng bổ xung các danh hiệu cấp Tổng công ty năm 2019 cho Cty TNHH MTV Xây lắp điện 4 |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 20/01/2020 | Thông qua việc đồng ý về chủ trương đề Cty TNHH MTV Xây lắp điện 4 lập phương án báo cáo Tổng công ty xem xét, quyết định việc giải thể Trung tâm Tư vấn xây dựng điện |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 26/02/2020 | Thông qua nội dung: Yêu cầu người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các Cty TNHH MTV, Chi nhánh trực thuộc phải xác định quỹ tiền lương thực hiện và xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng báo cáo bằng văn bản để được Tổng công ty chấp thuận và phê duyệt. Yêu cầu người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các Cty cổ phần có vốn góp chi phối của Tổng công ty tham gia ý kiến để HĐQT công ty quyết định việc vận dụng nguyên tắc, nội dung của Nghị định số 53/2016/NĐ-CP, Thông tư số 28/2016/ TT-BLĐTBXH để xác định quỹ tiền lương thực hiện và xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng báo cáo bằng văn bản và được TCT chấp thuận. |

| | | | |
|----|------------|------------|--|
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 29/02/2020 | <p>Thông qua đề Tổng Giám đốc quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành mỏ đá vôi La Hiên đối với ông Nguyễn Văn Đảm, kể từ ngày 07/02/2020. - Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành mỏ đá vôi La Hiên đối với ông Quách Mạnh Huy, kể từ ngày 07/02/2020 |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 18/3/2020 | <p>Thông qua và trình Bộ Công Thương, Bộ Tài chính phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất do các Cty TNHH MTV và Chi nhánh thuộc Tổng công ty đang quản lý và sử dụng theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP.</p> |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 26/3/2020 | <p>Thông qua nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Tổng công ty và Ngân hàng BIDV – chi nhánh SGD 1 theo đề nghị của Tổng giám đốc.</p> |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 31/3/2020 | <p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý việc bổ nhiệm thay thế các vị trí đại diện phần vốn của TCT, lãnh đạo tại một số đơn vị trong Tổng công ty do ông Chu Tuấn Ngọc đảm nhận tại thời điểm tháng 03/2020, theo nội dung tờ trình của Tổng Giám đốc. - Đề phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Cơ quan Tổng công ty trong giai đoạn ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, trước mắt điều chỉnh giảm 30% lương các lãnh đạo Tổng công ty. - Lùi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ đồng thường niên năm 2020 của Tổng công ty đến trước ngày 30/6/2020. |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 22/4/2020 | <p>Thông qua việc điều chỉnh nhân sự Người đại diện phần vốn Tổng công ty tại Cty CP Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON.</p> <p>Cử ông Ngô Đức Cường – Phó trưởng Ban TCKT Tổng công ty làm người đại diện chủ sở hữu 16,83% vốn điều lệ của Công ty và tham gia Hội đồng quản trị Công ty.</p> |
| 9 | 09/NQ-HĐQT | 05/5/2020 | <p>Thông qua các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Kết cấu thép xây dựng</p> |
| 10 | 10/NQ-HĐQT | 20/5/2020 | <p>Thông qua các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Tư vấn thiết kế và xây dựng VINAINCON.</p> |
| 11 | 11/NQ-HĐQT | 20/5/2020 | <p>Thông qua các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Bao bì Sông Công.</p> |

| | | | |
|----|------------|-----------|--|
| 12 | 12/NQ-HĐQT | 19/5/2020 | Thông qua các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP BTLT Thủ Đức. |
| 13 | 13/NQ-HĐQT | 19/5/2020 | Thông qua các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP BTLT An Giang. |
| 14 | 14/NQ-HĐQT | 16/5/2020 | Thông qua các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Đầu tư xây dựng số 5. |
| 15 | 15/NQ-HĐQT | 16/5/2020 | Thông qua các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Xây lắp và sản xuất công nghiệp. |
| 16 | 16/NQ-HĐQT | 21/5/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức và các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Đầu tư và xây dựng công nghiệp. |
| 17 | 17/NQ-HĐQT | 21/5/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức và các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Cơ khí Hồng Nam. |
| 18 | 18/NQ-HĐQT | 22/5/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức và các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP XNK TMHT nhân lực quốc tế VN. |
| 19 | 19/NQ-HĐQT | 22/5/2020 | Thông qua các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Cơ khí xây lắp hóa chất. |
| 20 | 20/NQ-HĐQT | 27/5/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức và các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Thi công cơ giới VINAINCON. |
| 21 | 21/NQ-HĐQT | 28/5/2020 | Thông qua điều chỉnh nhân sự Người đại diện phần vốn Tổng công ty tại Công ty CP như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thôi cử bà Trần Thị Minh làm người đại diện phần vốn Tổng công ty tại: Công ty CP Bao bì Sông Công, Cty CP Thi công cơ giới VINAINCON, Cty CP BTLT VINAINCON. - Cử bà Trần Phương Linh – Phó trưởng Ban KHĐT&QLHĐ đại diện 100% vốn Tổng công ty tại Cty CP Bao bì Sông Công. - Cử ông Trần Đức Anh – Phó trưởng Ban KHĐT&QLHĐ đại diện 36% vốn Tổng công ty tại Cty CP Thi công cơ giới VINAINCON. - Cử ông Trần Đức Anh – Phó trưởng Ban KHĐT&QLHĐ đại diện 8% vốn Tổng công ty tại Cty CP BTLT VINAINCON. |

| | | | |
|----|------------|-----------|---|
| 22 | 22/NQ-HĐQT | 28/5/2020 | Thông qua việc cử lại có thời hạn ông Tạ Đăng Tính – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kiêm nhiệm đại diện Chủ sở hữu theo ủy quyền của Tổng công ty tại Cty CP TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc và giữ chức Chủ tịch công ty. |
| 23 | 23/NQ-HĐQT | 02/6/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức và các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP BTLT VINAINCON. |
| 24 | 24/NQ-HĐQT | 02/6/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức và các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn. |
| 25 | 25/NQ-HĐQT | 10/6/2020 | Thông qua việc quyết định bổ nhiệm lại nhân sự Kiểm soát viên tại các Cty TNHH MTV theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty |
| 26 | 26/NQ-HĐQT | 18/5/2020 | Thông qua BCTC năm 2019 của Tổng công ty. |
| 27 | 27/NQ-HĐQT | 22/6/2020 | Thông qua các nội dung: - Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tổng công ty - Các nội dung biểu quyết tại Đại hội. |
| 28 | 28/NQ-HĐQT | 24/6/2020 | Thông qua các nội dung theo đề nghị của Người đại diện phần vốn TCT tại Công ty CP ĐT và SXCN để có ý kiến biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty |
| 29 | 29/NQ-HĐQT | 27/6/2020 | Thông qua các nội dung: - Đồng ý chủ trương việc bổ xung thêm 01 Phó Tổng giám đốc Tổng công ty. - Đồng ý đề Chủ tịch Cty TNHH MTV Xây lắp điện 2, quyết định bổ nhiệm có thời hạn 01 năm ông Đặng Hoàng Phương đảm nhận chức vụ Giám đốc công ty. - Giao cho Ban Tổ chức nhân sự xây dựng quy trình thực hiện các bước về công tác quy hoạch cán bộ quản lý của các Đơn vị TNHH MTV và các đại diện phần vốn tại Cty CP do Tổng công ty chi phối. - Ngừng áp dụng Mục 2 của Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 31/3/2020 và thực hiện việc chi trả lương bình thường đối với các lãnh đạo Tổng công ty. |
| 30 | 30/NQ-HĐQT | 06/7/2020 | Thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Cty TNHH MTV Xây lắp điện 4, và Cty TNHH MTV Xây lắp điện 2 theo đề nghị của Tổng giám đốc. |

| | | | |
|----|------------|-----------|---|
| 31 | 31/NQ-HĐQT | 22/7/2020 | <p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn Cty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty. - Bổ nhiệm bà Trần Thị Minh – Thành viên HĐQT, Trưởng Ban KHĐT&QLHĐ giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty. - Điều chỉnh đại diện chủ sở hữu của Tổng công ty tại: <ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm ông Đỗ Chí Nguyễn – Phó Tổng giám đốc làm đại diện chủ sở hữu TCT tại Cty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn, giữ chức vụ Chủ tịch Công ty thay ông Hoàng Chí Cường. - Bổ nhiệm bà Trần Thị Minh – Thành viên HĐQT, Trưởng Ban KHĐT&QLHĐ làm người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP TVTK và xây dựng VINAINCON. <p>Giới thiệu bà Trần Phương Linh – Phó trưởng ban KHĐT&QLHĐ ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Cty CP TVTK và xây dựng VINAINCON tại ĐHĐCĐ gần nhất của Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạm dừng áp dụng Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm và từ chức của cán bộ Tổng công ty |
| 32 | 32/NQ-HĐQT | 07/8/2020 | <p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhất trí nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP TM xây lắp công nghiệp Thăng Long. - Cử ông Đặng Quang Cường – Trưởng Ban TCKT làm Người đại diện 100% phần vốn của Tổng công ty tại Cty CP TM xây lắp công nghiệp Thăng Long thay ông Hoàng Thế Hiền. |
| 33 | 33/NQ-HĐQT | 07/8/2020 | <p>Thông qua để Tổng Giám đốc quyết định bổ nhiệm chức vụ Trưởng Ban TT&QL điều hành dự án đối với ông Lê Hoàng Nguyên.</p> |
| 34 | 34/NQ-HĐQT | 13/8/2020 | <p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Hoàng Chí Cường kể từ ngày 15/8/2020. - Bổ nhiệm có thời hạn ông Đỗ Chí Nguyễn – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 15/8/2020. |
| 35 | 35/NQ-HĐQT | 26/8/2020 | <p>Thông qua việc để Chủ tịch Cty TNHH MTV Xây lắp hóa chất quyết định việc thôi chức vụ Giám đốc công ty đối với ông Đỗ Chí Nguyễn.</p> |

| | | | |
|----|------------|------------|--|
| 36 | 36/NQ-HĐQT | 26/8/2020 | Thông qua việc bảo lưu lương đối với ông Hoàng Chí Cường – thành viên HĐQT Tổng công ty. |
| 37 | 37/NQ-HĐQT | 26/8/2020 | Thông qua việc xếp lương đối với ông Đỗ Chí Nguyễn – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng công ty. |
| 38 | 38/NQ-HĐQT | 14/9/2020 | Thông qua việc chấp thuận đề Chủ tịch Cty TNHH MTV Xây lắp hóa chất quyết định bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Trần Thanh Việt. |
| 39 | 39/NQ-HĐQT | 20/11/2020 | Thông qua đề Chủ tịch Cty TNHH MTV Xây lắp điện 2 quyết định việc thay thế nhân sự đại diện vốn của Công ty tại các Công ty cổ phần theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty. |
| 40 | 40/NQ-HĐQT | 27/11/2020 | Thông qua đề Chủ tịch Cty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn quyết định bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Hà Quang Sáng. |
| 41 | 41/NQ-HĐQT | 27/11/2020 | Thông qua về các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2020 để Tổng Giám đốc Tổng công ty ban hành quyết định giao Kế hoạch SXKD cho các đơn vị. |
| 42 | 42/NQ-HĐQT | 27/11/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức và các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Đầu tư năng lượng VINAINCON. |
| 43 | 43/NQ-HĐQT | 22/12/2020 | Thông qua việc quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2019 của Cty CP Cơ khí xây lắp hóa chất theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty. |

1.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty:

Trong bối cảnh năm 2020 nền kinh tế còn rất nhiều khó khăn, các dự án được cấp phép đầu tư mới không nhiều, các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách chậm giải ngân, cũng như tác động do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, hàng loạt các Công ty con trong Tổng công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD như: sụt giảm về số lượng cũng như giá trị hợp đồng ký kết, tồn đọng vốn do các chủ đầu tư không thu xếp được nguồn vốn hoặc dẫn tiến độ giải ngân, khó tiếp cận với nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng nên kết quả đạt được không như mong đợi, việc làm và thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc và Cơ quan điều hành đã chủ động nỗ lực làm việc, linh hoạt, kịp thời trong công tác tổ chức sản xuất kinh doanh và quản lý, góp phần quan trọng trong việc giữ vững thị trường, đảm bảo nguồn việc trong điều kiện khó khăn, áp lực nguồn vốn dồn về Tổng công ty

nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty năm 2020 vẫn duy trì ổn định và phát triển.

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty vào ngày 26/6/2020, đảm bảo theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị đã họp 06 phiên và 43 lần thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT bám sát nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tổng công ty, đề ra các quyết định phù hợp và kịp thời trong chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh và được ban hành theo đúng thẩm quyền quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Các quyết định của HĐQT đều có sự tham gia đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị.

Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo giám sát tài chính của người đại diện vốn.

Quản lý, giám sát chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

2. Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----|--------------------|------------|----------------|------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Thu Nga | Trưởng ban | 34.200 | 0,06 |
| 2 | Nguyễn Ngọc Cường | Thành viên | 17.000 | 0,03 |
| 3 | Hoàng Tuấn Anh | Thành viên | 0 | 0 |

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát Tổng công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty:

+ Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được lành mạnh và minh bạch.

+ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty. Ban lãnh đạo Tổng công ty đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận và kiểm tra tình hình tài chính và các mặt hoạt động của Tổng công ty.

+ Định kỳ Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc và Công ty TNHH MTV do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ nhằm giám sát chặt chẽ việc tuân thủ nghị quyết ĐHĐCĐ, đánh giá tính trung thực và hợp lý các số liệu tài chính, cụ thể:

Thẩm tra Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020, cả năm 2020 tại các Công ty TNHH MTV và Công ty mẹ.

Kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng, cả năm 2020.

Kiểm soát việc thực hiện các kiến nghị của BKS tại Biên bản làm việc với các Công ty năm 2019.

Xem xét tình hình thực hiện nghĩa vụ NSNN tại các Công ty còn nợ nhiều thuế (Thuế VAT, thuế đất, tiền phạt chậm nộp thuế).

Kiểm tra tình hình thực hiện công tác tiền lương năm 2020 tại các Công ty TNHH MTV.

3. Các giao dịch, tiền lương cán bộ quản lý, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Thù lao cho HĐQT và BKS Tổng công ty năm 2020 là 72 triệu đồng.

Trong đó:

| | | |
|-----------------------|---------------------------|-----------|
| + 02 Thành viên HĐQT | x 2 tr.đ/ng/th x 12 tháng | = 48 tr.đ |
| + 01 Thành viên BKS | x 1 tr.đ/ng/th x 12 tháng | = 12 tr.đ |
| + Thư ký Tổng công ty | x 1 tr.đ/ng/th x 12 tháng | = 12 tr.đ |

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến của của kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính năm 2020 được đăng tải trên website của Tổng công ty theo địa chỉ: <http://www.vinaincon.com.vn>

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO đã được gửi cho Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng tải trên website của Tổng công ty theo địa chỉ: <http://www.vinaincon.com.vn>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TỔNG CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Chí Nguyễn